

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 59

12:
IG
PH
CÁ
J
P.
K
Q.TA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Lê Văn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số: 1752/2023/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 từ trang 4 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ theo kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.116.531.275.287	1.244.384.275.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.017.200.733	97.843.229.219
1. Tiền	111		26.941.139.990	25.614.401.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.076.060.743	72.228.827.758
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		595.478.187	565.775.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12	595.478.187	565.775.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		988.354.456.726	1.119.559.946.553
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.981.869.384	52.989.866.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.000.740.144	18.528.602.576
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	488.032.698.547	589.925.628.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	502.863.036.107	498.728.743.086
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(40.523.887.456)	(40.612.893.961)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	493.497.224	17.298.527.842
1. Hàng tồn kho	141		493.497.224	17.298.527.842
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.070.642.417	9.116.797.309
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	9.937.129.331	2.178.646.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.012.596.784	4.817.234.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	2.120.916.302	2.120.916.302

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.132.039.418.892	11.505.699.006.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.225.066.772.247	1.735.950.146.902
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	429.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.225.066.772.247	1.306.950.146.902
II. Tài sản cố định	220		6.744.846.237.498	6.814.117.887.136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9.062.433.089	9.574.363.377
- Nguyên giá	222		32.571.732.791	32.111.362.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.509.299.702)	(22.536.999.414)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.735.783.804.409	6.804.543.523.759
- Nguyên giá	228		8.905.233.025.509	8.782.247.279.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.169.449.221.100)	(1.977.703.756.134)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.364.126.102	58.625.364.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	36.364.126.102	58.625.364.963
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	915.279.595.243	869.167.010.832
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	915.279.595.243	869.167.010.832
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.210.482.687.802	2.027.838.596.608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.919.667.271.946	1.722.384.544.912
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	252.341.512.316	262.578.048.208
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	38.473.903.540	42.876.003.488
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.248.570.694.179	12.750.083.282.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.249.000.685.308	7.906.613.470.479
I. Nợ ngắn hạn	310		2.090.672.809.758	2.222.581.550.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	256.521.636.942	237.229.239.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.322.254.889	464.322.254.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	13.903.814.389	12.669.680.411
4. Phải trả người lao động	314		13.934.078.798	12.176.016.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	33.389.811.692	71.218.871.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		238.636.363	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	486.317.980.498	568.018.121.912
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	817.328.925.067	853.563.479.817
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.715.671.120	3.383.886.565
II. Nợ dài hạn	330		5.158.327.875.550	5.684.031.919.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	132.103.647.301	131.519.284.964
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	4.993.462.064.930	5.518.385.381.420
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	32.762.163.319	34.127.253.457
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.999.570.008.871	4.843.469.811.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	4.999.570.008.871	4.843.469.811.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.551.198.379.153	1.471.639.564.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.467.627.065.762	1.180.392.007.974
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		83.571.313.391	291.247.556.840
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.410.138.057.025	1.333.596.674.378
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.248.570.694.179	12.750.083.282.364



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	714.868.797.535	707.882.440.786
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	54.382.065.766	46.051.124.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	660.486.731.769	661.831.316.362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	256.813.390.998	259.844.923.815
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		403.673.340.771	401.986.392.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.201.508.540	40.059.156.429
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	201.409.887.787	167.245.422.349
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		201.409.887.787	167.245.422.349
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	46.112.584.411	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	48.078.123.998	51.575.348.145
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.083.706.822	24.944.565.095
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		212.415.715.115	198.280.213.387
12. Thu nhập khác	31		229.873.882	61.489.899
13. Chi phí khác	32	VI.7	3.009.830.841	621.684.372
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(2.779.956.959)	(560.194.473)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		209.635.758.156	197.720.018.914
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	9.834.203.629	12.342.572.007
17. Chi phí(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	8.871.445.754	(8.368.957.179)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		190.930.108.773	193.746.404.086
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		83.571.313.391	131.797.331.096
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		107.358.795.382	61.949.072.990
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	424	674




Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	209.635.758.156	197.720.018.914
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	197.119.865.202	226.225.518.060
Các khoản dự phòng	03	-	(463.021.533)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(84.314.092.951)	(34.219.797.010)
Chi phí lãi vay	06	201.409.887.787	167.245.422.349
Các khoản điều chỉnh khác	07	54.382.065.766	40.211.765.005
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	578.233.483.960	596.719.905.785
Giảm các khoản phải thu	09	30.629.487.646	8.404.389.130
Giảm hàng tồn kho	10	-	333.604.468
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.757.432.421	(9.095.299.275)
Giảm chi phí trả trước	12	3.200.706.388	8.048.201.628
Tiền lãi vay đã trả	14	(619.622.937.324)	(432.139.648.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.867.472.141)	(10.603.738.098)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	13.385.465
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.669.299.050)	161.680.800.295
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(70.692.232.820)	(145.602.654.196)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(57.529.703.187)	(654.489.782.074)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	589.377.806.370	25.953.464.657
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.896.453.288)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.445.271.441	9.032.483.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	528.601.141.804	(769.002.940.926)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.468.994.737.868	1.649.018.263.792
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.963.152.609.108)	(1.019.869.459.831)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(506.757.871.240)	629.148.803.961
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.173.971.514	21.826.663.330
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	97.843.229.219	182.456.553.643
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	111.017.200.733	204.283.216.973



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,82%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 101 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 100 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ kế toán

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết thông qua việc nhận chuyển nhượng 60.170.549 cổ phần tương ứng với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Việc chuyển nhượng này cũng đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận tại Văn bản số 2618/UBND-TH ngày 31 tháng 5 năm 2023. Dự kiến trong quý 3 năm 2023, Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng số cổ phần nêu trên để nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sẽ trở thành công ty con của Công ty.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ MCSC với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc góp vốn và dự kiến sẽ hoàn tất trong quý 3 năm nay.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết cho phép Công ty hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm trong việc khai thác tài sản là quyền thu phí của dự án Xa lộ Hà Nội, đồng thời thông qua hợp đồng số 09/2023/HĐ-KBTT ngày 5 tháng 5 năm 2023. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa lộ Hà Nội cho Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên công ty	30/06/2023		01/01/2023		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	100%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	50,36%	50,71%	50,36%	50,71%	Tỉnh Bến Tre	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tỉnh Bình Dương	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh						
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	50%	50%	50%	50%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ("công ty liên doanh") theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên doanh bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên doanh, lãi hoặc lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên doanh, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên doanh phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phần bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lợi thế thương mại** (tiếp theo)

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T phát sinh trong giai đoạn sau khi nghiệm thu, chờ thu phí và giai đoạn thu phí được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của từng dự án. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ phân bổ lãi vay khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật đồng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	192.646.756	204.825.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.748.493.234	25.409.576.009
Các khoản tương đương tiền	84.076.060.743	72.228.827.758
Cộng	111.017.200.733	97.843.229.219

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Công ty CII	-	24.988.350.000
Phải thu khách hàng khác	16.936.388.643	16.956.036.071
Cộng	27.981.869.384	52.989.866.812
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	60.000.000	-
Công ty CII	-	24.988.350.000
Cộng	566.390.065	25.494.740.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	8.938.953.925	17.418.943.752
	Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	2.518.231.288	2.518.231.288
	Công ty CII E&C	362.347.892	2.973.912.947
	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	73.840.501	2.947.395.488
	Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	29.620.162	-
	Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Nam Việt	-	3.000.000.000
	Các nhà thầu khác	5.954.914.082	5.979.404.029
	Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	1.061.786.219	1.109.658.824
	Các nhà cung cấp khác	1.061.786.219	1.109.658.824
	Cộng	10.000.740.144	18.528.602.576
	<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
	Công ty CII E&C	362.347.892	2.973.912.947
	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	73.840.501	2.947.395.488
	Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	29.620.162	-
	Cộng	465.808.555	5.921.308.435
4.	Phải thu về cho vay	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	a. Ngắn hạn		
	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
	Công ty CII (ii)	217.000.378.040	139.500.378.040
	Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii)	38.607.070.507	200.000.000.000
	Các đối tượng khác	1.000.000.000	19.000.000.000
	Cộng	488.032.698.547	589.925.628.040
	b. Dài hạn		
	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
	Công ty CII	-	29.000.000.000
	Cộng	-	429.000.000.000
	Cộng các khoản phải thu về cho vay	488.032.698.547	1.018.925.628.040
	<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
	Công ty CII (ii)	217.000.378.040	168.500.378.040
	Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii)	38.607.070.507	200.000.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
	Cộng	255.607.448.547	787.500.378.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)

- (i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản hỗ trợ này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Công ty Tuấn Lộc sở hữu trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án Trung Lương - Mỹ Thuận được đưa vào khai thác thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Công ty đang thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Tuấn Lộc và dự kiến hoàn tất trong quý 3 năm nay.
- (ii) Số dư cuối kỳ là các khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII với thời gian thu hồi dưới 1 năm. Lãi suất theo thỏa thuận dao động từ 8,5%/năm đến 11%/năm.
- (iii) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thời hạn 12 tháng với lợi tức cố định được hưởng trong kỳ là 10,5%/năm. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.

5. Phải thu khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	200.561.530.875	201.634.006.269
Tạm ứng lợi nhuận (i)	128.696.454.319	116.096.454.319
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	102.449.115.744	105.606.623.638
Điều chỉnh giảm giá trị Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo thỏa thuận quyết toán với cơ quan Nhà nước	22.536.888.505	22.536.888.505
Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	4.016.956.481	8.631.754.520
Các khoản phải thu khác	34.169.486.673	33.790.412.325
Cộng	502.863.036.107	498.728.743.086
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.181.489.852.687	1.232.714.410.559
Phải thu khoản lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T	43.576.919.560	45.079.571.959
Phải thu lãi cho vay	-	29.156.164.384
Cộng	1.225.066.772.247	1.306.950.146.902
Cộng các khoản phải thu khác	1.727.929.808.354	1.805.678.889.988
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	2.458.383.562	1.611.041.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	241.202.000	551.398.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	209.935.000	401.737.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
Cộng phải thu bên liên quan	2.909.520.562	43.147.495.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.259.832.561.607	1.310.225.864.071
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	24.106.406.824	24.937.662.232
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	-	3.157.507.894
	1.283.938.968.431	1.338.321.034.197
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.181.489.852.687	1.232.714.410.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	30/06/2023		01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	1.693.348.003	(25.220.143.407)	1.693.348.003	(25.273.027.199)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)	1.654.374.749	(1.654.374.749)
Phải thu ngắn hạn khác	16.669.169.300	3.000.000.000	(13.669.169.300)	16.758.392.013	(13.685.492.013)
Cộng	45.217.235.459	4.693.348.003	(40.523.887.456)	45.379.141.964	(40.612.893.961)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

Số đầu kỳ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	
	VND	VND	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(40.612.893.961)	(28.221.016.947)	463.021.533	-
Xóa nợ trong kỳ	89.006.505	-	-	-
Số cuối kỳ	(40.523.887.456)	(27.757.995.414)	(40.523.887.456)	(27.757.995.414)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	493.497.224	-	17.298.527.842	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	493.497.224	-	493.497.224	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T	-	-	16.805.030.618	-
Cộng	493.497.224	-	17.298.527.842	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ của dự án B.O.T	8.402.515.310	-
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	417.414.353	484.974.308
Chi phí khác chờ phân bổ	1.117.199.668	1.693.672.570
Cộng	9.937.129.331	2.178.646.878
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	1.789.950.800.493	1.580.638.958.028
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	111.885.085.466	120.219.001.757
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	9.621.334.570	11.370.668.134
Chi phí khác chờ phân bổ	8.210.051.417	10.155.916.993
Cộng	1.919.667.271.946	1.722.384.544.912
Cộng các khoản chi phí trả trước	1.929.604.401.277	1.724.563.191.790
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	873.307.856.768	798.230.076.879
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	498.613.700.665	375.695.905.994
Dự án cầu Cổ Chiên	257.198.982.071	236.211.310.173
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	160.830.260.989	143.866.346.500
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	-	26.635.318.482
Cộng	1.789.950.800.493	1.580.638.958.028

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 5%; Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%; Tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí lãi vay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và đang thực hiện các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế và đảm bảo lợi nhuận thực tế từ dự án tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước** (tiếp theo)**Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:**

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	Chi phí khác chờ phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	1.034.158.250.342	43.277.099.035	20.001.898.784	1.097.437.248.161
Chi phí trả trước phát sinh tăng trong kỳ	271.618.266.477	56.343.725.352	2.611.855.191	330.573.847.020
Phân bổ trong kỳ	(94.619.237.264)	(12.686.654.877)	(4.226.257.119)	(111.532.149.260)
Tại ngày 30/06/2022	1.211.157.279.555	86.934.169.510	18.387.496.856	1.316.478.945.921
Chi phí trả trước trong kỳ	288.217.628.025	52.273.743.602	7.772.470.943	348.263.842.570
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	149.979.043.843	-	-	149.979.043.843
Phân loại lại	-	796.700.158	(796.700.158)	-
Phân bổ trong kỳ	(68.714.993.395)	(19.785.611.513)	(3.836.682.514)	(92.337.287.422)
Tại ngày 31/12/2022	1.580.638.958.028	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Chi phí trả trước trong kỳ	289.395.951.233	7.882.766.051	5.377.949.178	302.656.666.462
Phân loại lại	(80.084.108.768)	5.756.594.125	(5.756.594.125)	-
Phân bổ trong kỳ	(21.973.276.467)	(21.973.276.467)	(3.316.554.193)	(105.373.939.428)
Tại ngày 30/06/2023	1.789.950.800.493	111.885.085.466	17.831.385.987	1.919.667.271.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Tại ngày 01/01/2023	7.842.894.831	15.746.856.648			6.862.001.022		1.659.610.290		32.111.362.791
Mua trong kỳ	-	460.370.000			-		-		460.370.000
Tại ngày 30/06/2023	7.842.894.831	16.207.226.648			6.862.001.022		1.659.610.290		32.571.732.791

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2023	6.668.602.786	8.719.216.907			5.805.855.728		1.343.323.993		22.536.999.414
Khấu hao trong kỳ	47.634.666	685.538.125			221.773.097		17.354.400		972.300.288
Tại ngày 30/06/2023	6.716.237.452	9.404.755.032			6.027.628.825		1.360.678.393		23.509.299.702

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2023	1.174.292.045	7.027.639.741			1.056.145.294		316.286.297		9.574.363.377
Tại ngày 30/06/2023	1.126.657.379	6.802.471.616			834.372.197		298.931.897		9.062.433.089

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 17.977.828.871 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 17.015.474.326 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	8.779.111.628.893	733.149.000	2.402.502.000	8.782.247.279.893
Đầu tư XD/CB hoàn thành	122.985.745.616	-	-	122.985.745.616
Phân loại lại	(450.000.000)	450.000.000	-	-
Tại ngày 30/06/2023	8.901.647.374.509	1.183.149.000	2.402.502.000	8.905.233.025.509
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	1.976.697.649.053	-	1.006.107.081	1.977.703.756.134
Khấu hao trong kỳ	191.622.910.678	-	122.554.288	191.745.464.966
Tại ngày 30/06/2023	2.168.320.559.731	-	1.128.661.369	2.169.449.221.100
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	6.802.413.979.840	733.149.000	1.396.394.919	6.804.543.523.759
Tại ngày 30/06/2023	6.733.326.814.778	1.183.149.000	1.273.840.631	6.735.783.804.409

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 3.489.177.775.335 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 13,426%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

b. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 35% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**c. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.488.747.655.945 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thuyết minh bên dưới) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Thời gian thu phí khoảng 19 năm 7 tháng và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2036.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

d. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 580.674.875.017 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục Đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy. Việc thu phí đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.258.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý*Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu*

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 715.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.238.498.567	25.499.737.428
Cộng	36.364.126.102	58.625.364.963

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	58.625.364.963	41.849.505.358
Chi phí đầu tư trong kỳ	100.744.612.645	52.511.878.037
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(122.985.745.616)	(38.288.440.589)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(20.105.890)	(5.948.125.070)
Số dư cuối kỳ	36.364.126.102	50.124.817.736

12. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	595.478.187	565.775.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	831.072.077.286	84.207.517.957	831.072.077.286	38.094.933.546
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		915.279.595.243		869.167.010.832

Giá trị hợp lý của công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tại thời điểm đầu kỳ	869.167.010.832	828.084.007.099
Thay đổi trong kỳ	46.112.584.411	3.896.453.288
Góp vốn trong kỳ	-	3.600.000.000
Giá trị ghi sổ tăng trong kỳ	-	296.453.288
Lợi nhuận từ công ty liên doanh (i)	46.112.584.411	-
Tại thời điểm cuối kỳ	915.279.595.243	831.980.460.387

(i) Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận theo số lãi vốn chủ sở hữu mà công ty liên doanh được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi nhân với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T là 11,5%/năm, áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty đối với các dự án B.O.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i)	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	Dự phòng phải trả người lao động	Cộng
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2022	-	280.367.346.734	375.000.000	280.742.346.734
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	7.612.011.850	-	7.612.011.850
Tại ngày 30/06/2022	-	272.755.334.884	375.000.000	273.130.334.884
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	10.552.286.676	-	10.552.286.676
Tại ngày 01/01/2023	-	262.203.048.208	375.000.000	262.578.048.208
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	10.236.535.892	-	10.236.535.892
Tại ngày 30/06/2023	-	251.966.512.316	375.000.000	252.341.512.316
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2022	51.473.312.624	-	-	51.473.312.624
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(15.980.969.029)	-	-	(15.980.969.029)
Tại ngày 30/06/2022	35.492.343.595	-	-	35.492.343.595
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(1.365.090.138)	-	-	(1.365.090.138)
Tại ngày 01/01/2023	34.127.253.457	-	-	34.127.253.457
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(1.365.090.138)	-	-	(1.365.090.138)
Tại ngày 30/06/2023	32.762.163.319	-	-	32.762.163.319
Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				8.871.445.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

- (i) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 163.810.816.595 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 32.762.163.319 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.
- (ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.259.832.561.607 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 251.966.512.316 đồng.

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi số VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023	277.465.935.261
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2023	234.589.931.773
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	4.402.099.948
Tại ngày 30/06/2023	238.992.031.721
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	42.876.003.488
Tại ngày 30/06/2023	38.473.903.540



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan (i)	188.707.880.975	188.707.880.975	174.555.874.168	174.555.874.168
Các nhà cung cấp khác	67.813.755.967	67.813.755.967	62.673.365.051	62.673.365.051
Cộng	256.521.636.942	256.521.636.942	237.229.239.219	237.229.239.219
<i>(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan</i>				
Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	13.184.552.957	13.184.552.957	6.685.606.416	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.339.722.382	10.339.722.382	2.195.664.028	2.195.664.028
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	6.410.303.834	6.410.303.834	6.898.925.922	6.898.925.922
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	-	-	2.376.000	2.376.000
Cộng	188.707.880.975	188.707.880.975	174.555.874.168	174.555.874.168

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.471.874.889	1.471.874.889
Cộng	464.322.254.889	464.322.254.889
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>		
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000

(i) Đây là khoản nhận tiền trước liên quan đến thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận trong tương lai do Công ty đang sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.892.392	-	-	1.632.892.392
Thuế giá trị gia tăng	488.023.910	-	-	488.023.910
Cộng	2.120.916.302	-	-	2.120.916.302
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	6.300.751.456	49.692.164.034	50.406.514.524	5.586.400.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836.579.520	9.834.203.629	7.867.472.141	7.803.311.008
Thuế thu nhập cá nhân	532.349.435	1.069.839.618	1.502.841.342	99.347.711
Các khoản khác	-	866.903.768	452.149.064	414.754.704
Cộng	12.669.680.411	61.463.111.049	60.228.977.071	13.903.814.389

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	22.763.297.407	44.414.840.074
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	9.195.141.302	23.880.171.178
Chi phí phải trả khác	1.431.372.983	2.923.860.390
Cộng	33.389.811.692	71.218.871.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Phải trả khác**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	301.640.078.983	270.822.666.248
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	170.743.797.961	256.970.842.982
Các khoản thu hộ	3.903.120.605	2.565.620.921
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.030.982.949	37.658.991.761
	486.317.980.498	568.018.121.912
b. Dài hạn		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng (ii)	67.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	54.961.556.043	122.907.193.706
Các khoản thu hộ	10.066.091.258	8.536.091.258
	132.103.647.301	131.519.284.964
Cộng các khoản phải trả khác	618.421.627.799	699.537.406.876
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty CII	527.213.808.563	650.574.078.338
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (ii)	67.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Cộng	594.289.808.563	675.638.428.338

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.

(ii) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa Lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính****a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay bên liên quan	327.079.942.832	327.079.942.832	57.026.449.681	-	270.053.493.151	270.053.493.151
Công ty CII	327.079.942.832	327.079.942.832	57.026.449.681	-	270.053.493.151	270.053.493.151
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	490.248.982.235	490.248.982.235			583.509.986.666	583.509.986.666
Cộng	817.328.925.067	817.328.925.067	57.026.449.681	-	853.563.479.817	853.563.479.817

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	48.470.000.000	1 năm	13/04/2023	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	327.079.942.832					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
Vay ngân hàng	5.235.762.569.101	5.235.762.569.101	2.371.150.902.251	2.505.131.251.555	5.369.742.918.405	5.369.742.918.405
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	2.365.955.113.788	2.365.955.113.788	2.365.955.113.788	-	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.221.556.800.082	1.221.556.800.082	-	2.398.555.445.849	3.620.112.245.931	3.620.112.245.931
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	677.999.379.211	677.999.379.211	-	49.000.000.000	726.999.379.211	726.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	570.708.126.480	570.708.126.480	-	16.496.000.000	587.204.126.480	587.204.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	399.543.149.540	399.543.149.540	5.195.788.463	41.079.805.706	435.427.166.783	435.427.166.783
Công ty CII - Bên liên quan	247.948.478.064	247.948.478.064	30.843.835.617	515.047.807.234	732.152.449.681	732.152.449.681
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(490.248.982.235)	(490.248.982.235)			(583.509.986.666)	(583.509.986.666)
Cộng	4.993.462.064.930	4.993.462.064.930	2.401.994.737.868	3.020.179.058.789	5.518.385.381.420	5.518.385.381.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	2.365.955.113.788	7 năm	29/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.221.556.800.082	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
Công ty CII	247.948.478.064		31/12/2033	Lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	677.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ 10,2% - 10,4%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	570.708.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,9% - 10,9%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,75%-13,05%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền VRG.
	34.713.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,65%-12,95%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền VRG	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	7.058.699.681	3 năm	20/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,65%-12,5%/năm	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miêu.
	12.493.837.040	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,65%-13,2%/năm	Tài trợ kinh phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hoà cũ đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	
	16.595.312.500	5 năm	23/09/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,65%-12,5%/năm	Tài trợ kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	

399.543.149.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)**Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	490.248.982.235	583.509.986.666
Trong năm thứ hai	601.067.513.519	554.854.765.189
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.296.343.424.839	2.147.372.967.723
Sau năm năm	2.096.051.126.572	2.816.157.648.508
	5.483.711.047.165	6.101.895.368.086
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(490.248.982.235)	(583.509.986.666)
Cộng	4.993.462.064.930	5.518.385.381.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	96.125.354.490	1.272.973.201.023	1.386.934.246.204	4.688.238.199.813						
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	131.797.331.096	61.949.072.990	193.746.404.086						
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.890.773.226)	(109.890.773.226)						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)						
Tại ngày 30/06/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.389.331.245.070	1.338.992.545.968	4.766.557.363.731						
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	159.450.225.744	109.394.571.450	268.844.797.194						
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(111.471.981.448)	(188.613.887.448)						
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)						
Tại ngày 31/12/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885						
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885						
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	83.571.313.391	107.358.795.382	190.930.108.773						
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.817.412.735)	(30.817.412.735)						
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)						
Tại ngày 30/06/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.551.198.379.153	1.410.138.057.025	4.999.570.008.871						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ dự kiến là 16%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	713.483.270.892	706.307.106.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.385.526.643	1.464.034.563
Doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp công trình	-	111.300.000
	714.868.797.535	707.882.440.786
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(54.382.065.766)	(46.051.124.424)
	(54.382.065.766)	(46.051.124.424)
Doanh thu thuần	660.486.731.769	661.831.316.362
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	332.002.664	324.092.642
Công ty Cổ phần Kỹ thuật En Vi Ro	40.000.000	-
Cộng	372.002.664	324.092.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	254.086.255.525	258.273.516.139
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.727.135.473	1.460.107.676
Giá vốn hoạt động thi công, xây lắp công trình	-	111.300.000
Cộng	256.813.390.998	259.844.923.815

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.201.508.540	34.219.797.010
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T (i)	-	5.839.359.419
Cộng	38.201.508.540	40.059.156.429

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	10.437.113.374	5.634.317.094
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.458.812.804	665.095.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	12.016.438.356
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CII E&C	-	7.500.000
Cộng	24.064.411.109	18.392.573.007

(i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất khoán cụ thể cho từng giai đoạn trong thời gian thu phí. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	201.409.887.787	167.245.422.349
<i>Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	100.714.964.079	52.339.131.688
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	4.347.585.090
Cộng	100.714.964.079	56.686.716.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	38.228.330.151	43.284.979.345
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.849.793.847	8.290.368.800
Cộng	48.078.123.998	51.575.348.145

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.275.055.769	18.500.132.063
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	4.694.184.337	5.277.251.517
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	1.664.230.102	1.664.233.982
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	81.818.182	81.818.183
Công ty CII	81.818.182	81.818.182
Cộng	24.797.106.572	25.605.253.927

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	4.402.099.948	6.452.900.927
Chi phí lương nhân viên	8.740.919.959	6.175.730.491
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	717.404.523	971.403.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.314.911.564	8.118.884.810
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(463.021.533)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.110.212.524	2.514.697.178
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.798.158.304	1.173.969.659
Cộng	26.083.706.822	24.944.565.095

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	13.200.000	15.400.000
--	------------	------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí bồi thường hộ dân bị ảnh hưởng khi thi công dự án B.O.T	2.981.476.197	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	4.915.744	621.684.372
Chi phí khác	23.438.900	-
Cộng	3.009.830.841	621.684.372

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân công	14.079.703.621	11.390.736.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.096.124.836	220.649.952.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.670.589.437	88.856.931.937
Chi phí bằng tiền khác	5.862.945.026	4.734.953.205
Cộng	324.709.362.920	325.632.574.238



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	287.115.428.227	(77.479.670.071)	220.925.592.533	(23.205.573.619)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	34.126.358.717	102.655.980.923	199.752.655	49.589.651.166
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	(46.112.584.411)	-	-
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	6.825.450.690	-	6.825.450.690
Lợi thế thương mại phân bổ	-	4.402.099.948	-	6.452.900.927
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	25.191.343.572	112.298.976.485	-	34.965.350.432
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	8.935.015.145	25.242.038.211	199.752.655	1.345.949.117
Tổng thu nhập chịu thuế	321.241.786.944	25.176.310.852	221.125.345.188	26.384.077.547
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	321.241.786.944	25.176.310.852	221.125.345.188	26.384.077.547
Thu nhập tính thuế 20%	53.049.215.669	25.176.310.852	28.949.333.425	26.384.077.547
Thu nhập tính thuế 10%	268.192.571.275	-	192.176.011.763	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37.429.100.261	5.035.262.171	25.007.467.862	5.276.815.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(30.807.063.684)	-	(16.567.285.204)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(1.823.095.119)	-	(2.550.276.534)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-	1.175.850.373	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.798.941.458	5.035.262.171	7.065.756.497	5.276.815.510
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.834.203.629	9.834.203.629	12.342.572.007	12.342.572.007

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	83.571.313.391	131.797.331.096
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.715.673.809)	(1.882.952.279)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.855.639.582	129.914.378.817
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	424	674

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.371.150.902.251	875.418.263.792
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	30.843.835.617	773.600.000.000
	2.401.994.737.868	1.649.018.263.792
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.505.131.251.555	142.299.817.221
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	458.021.357.553	877.569.642.610
	2.963.152.609.108	1.019.869.459.831

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	2.666.255.664	2.666.255.664
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.138.250.979	5.471.378.811
Cộng	6.804.506.643	8.137.634.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

	Hoạt động thu phí giao thông		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	659.101.205.126	-	-	1.385.526.643	-	660.486.731.769	-	-	660.486.731.769
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	4.419.001.383	(4.419.001.383)	-	-	-	-
Cộng	659.101.205.126	-	-	5.804.528.026	(4.419.001.383)	660.486.731.769	(4.419.001.383)	-	660.486.731.769
Giá vốn									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	254.086.255.525	-	-	2.727.135.473	-	256.813.390.998	-	-	256.813.390.998
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	662.760.358	(662.760.358)	-	-	-	-
Cộng	254.086.255.525	-	-	3.389.895.831	(662.760.358)	256.813.390.998	(662.760.358)	-	256.813.390.998
Lợi nhuận gộp bộ phận	405.014.949.601	-	-	2.414.632.195	(3.756.241.025)	403.673.340.771	(3.756.241.025)	-	403.673.340.771
Doanh thu hoạt động tài chính									38.201.508.540
Chi phí tài chính									201.409.887.787
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết									46.112.584.411
Chi phí bán hàng									48.078.123.998
Chi phí quản lý doanh nghiệp									26.083.706.822
Thu nhập khác									229.873.882
Chi phí khác									3.009.830.841
Chi phí thuế TNDN hiện hành									9.834.203.629
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại									8.871.445.754
Tổng lợi nhuận sau thuế									190.930.108.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

	Hoạt động thu phí giao thông		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	660.255.981.799	111.300.000	1.464.034.563						661.831.316.362
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	2.540.278.817				(3.544.174.219)		-
Cộng	660.255.981.799	1.115.195.402	4.004.313.380				(3.544.174.219)		661.831.316.362
Giá vốn									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	258.273.516.139	111.300.000	1.460.107.676						259.844.923.815
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	-				(1.003.895.402)		-
Cộng	258.273.516.139	1.115.195.402	1.460.107.676				(1.003.895.402)		259.844.923.815
Lợi nhuận gộp bộ phận	401.982.465.660	-	2.544.205.704				(2.540.278.817)		401.986.392.547
Doanh thu hoạt động tài chính									40.059.156.429
Chi phí tài chính									167.245.422.349
Chi phí bán hàng									51.575.348.145
Chi phí quản lý doanh nghiệp									24.944.565.095
Thu nhập khác									61.489.899
Chi phí khác									621.684.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành									12.342.572.007
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại									(8.368.957.179)
Tổng lợi nhuận sau thuế									193.746.404.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Ninh Thuận		Tỉnh Bến Tre		Tỉnh Bình Dương		Tỉnh Trà Vinh		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán														
<i>Tại ngày 30/06/2023</i>														
Tài sản ngắn hạn	1.546.581.228.788	227.391.089.704	333.178.562.558	8.391.744.164	10.733.687.034	(1.009.745.036.961)	1.116.531.275.287							
Tài sản dài hạn	6.299.084.133.225	2.447.192.115.498	1.137.506.919.446	652.028.292.749	830.800.440.018	(234.572.482.044)	11.132.039.418.892							
Nợ phải trả	5.215.197.763.096	1.851.567.485.253	710.705.489.264	223.486.521.743	576.568.462.913	(1.328.525.036.961)	7.249.000.685.308							
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>														
Tài sản ngắn hạn	1.595.382.135.108	160.982.124.272	271.942.655.379	10.888.774.004	10.128.468.438	(804.939.881.278)	1.244.384.275.923							
Tài sản dài hạn	6.555.916.953.924	2.483.517.699.205	1.196.764.844.009	669.151.012.561	823.333.563.197	(222.985.066.455)	11.505.699.006.441							
Nợ phải trả	5.667.161.487.893	1.693.044.922.506	764.232.422.123	219.680.237.152	595.395.950.766	(1.032.901.549.961)	7.906.613.470.479							
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh														
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023</i>														
Doanh thu thuần	267.840.110.104	131.834.172.151	128.521.399.970	80.261.181.819	56.448.869.108	(4.419.001.383)	660.486.731.769							
Giá vốn	68.115.013.925	108.097.146.717	50.617.320.495	16.077.192.546	13.906.717.315	-	256.813.390.998							
Lợi nhuận gộp	199.725.096.179	23.737.025.434	77.904.079.475	64.183.989.273	42.542.151.793	(4.419.001.383)	403.673.340.771							
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022</i>														
Doanh thu thuần	279.018.349.897	120.150.522.716	124.817.910.272	86.503.122.847	54.885.584.849	(3.544.174.219)	661.831.316.362							
Giá vốn	100.821.341.047	68.179.347.742	58.475.842.984	15.907.602.615	16.460.789.427	-	259.844.923.815							
Lợi nhuận gộp	178.197.008.850	51.971.174.974	66.342.067.288	70.595.520.232	38.424.795.422	(3.544.174.219)	401.986.392.547							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty liên doanh

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ (i)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (NBB)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN) (ii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII) (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

- (i) Công ty con của Công ty CII được thành lập mới vào ngày 7 tháng 3 năm 2023.
- (ii) Ngày 24 tháng 6 năm 2023, Công ty CII E&C đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn trong Công ty NQN cho Công ty NBB.
- (iii) Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty CII đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Công ty SII). Do đó, Công ty SII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty CII		
Nhận tiền gốc và lãi hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	30.843.835.617	773.600.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	434.220.000.000	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	48.500.000.000	918.569.642.610
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	4.000.000.000
Trả lãi vay hỗ trợ vốn	257.741.672.334	196.330.357.390
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	30.812.412.909	37.657.454.593
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	-
Chi phí sử dụng vốn không được vốn hóa vào giá trị dự án	-	54.057.008.897
Chi phí sử dụng vốn được vốn hóa vào giá trị dự án	-	11.468.695.733
Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	19.396.671.162	67.663.596.520
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	38.074.040.413	16.238.802.002
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	5.943.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	409.706.042
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ	22.798.127.683	2.819.124.180
Chi phí duy tu, bảo dưỡng đường bộ	4.842.485.825	6.416.648.754
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	4.695.549.392	5.277.251.517
Chi phí trung tu đường bộ	-	10.177.449.837
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	67.000.000.000	-
Nhận tiền lãi hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	16.901.090.793	-
Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	400.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	799.035.019	761.911.233
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	450.057.331	448.058.517
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)	203.153.187	192.062.501
Bà Lương Thị Thu Yên	Kế toán trưởng	281.377.976	264.398.810
Cộng		1.733.623.513	1.666.431.061

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức từ năm 2017 đến năm 2023 thành 2 đợt. Đợt 1 thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 và cổ tức còn lại của năm 2021 với tỷ lệ 16%. Đợt 2 chi trả cổ tức năm 2020, năm 2022 và một phần cổ tức của năm 2023 với tỷ lệ 20%. Hình thức chi trả bằng tiền mặt.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởngNguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023